

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/DS-ST
Ngày 11 tháng 8 năm 2017
“*V/v T/c hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Ngọc Khoa

2. Ông Vũ Đức Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện VKSND huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa bà: Dương Thị Thu Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2017/TLST – DS ngày 15 tháng 02 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐST - DS ngày 16 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2017/QĐST-DS ngày 07/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2017/QĐST-DS ngày 02/8/2017; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: Bon Đ H, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ N; Có mặt tại phiên tòa.

Đồng bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm: 1982 - Có mặt tại phiên tòa

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1989; Vắng mặt.

Địa chỉ: Bon Đắk Huých, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ N;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:*

Trong thời gian từ năm 2014 cho đến ngày 10 tháng 5 năm 2016 (*ương lịch*) vợ chồng anh Th và chị T lên quán tạp hóa của gia đình chị L mua nợ đồ ăn hàng ngày. Khi mua nợ có thỏa thuận là cho mua nợ đồ ăn từ đầu năm cụ thể là đầu năm 2014 đến cuối năm 2014 (*ương lịch*) có thu hoạch mùa thì trả tiền. Lúc thì anh Th đi mua đồ ăn, lúc thì chị T đi mua đồ ăn. Sau mỗi lần mua thiếu chị L có viết vào sổ ghi nợ và cho vợ chồng anh Th, chị T xem sổ để biết số tiền nợ mỗi

lần mua hàng. Nhưng do chỗ quen biết và tin tưởng nhau, nên vợ chồng anh Th, chị T không ký tên vào sổ ghi nợ. Từ lúc mua nợ cho đến cuối năm 2014 vợ chồng anh Th, chị T có trả cho chị Long một ít, còn lại chuyển sang nợ từ đầu năm 2015, cộng dồn nợ còn đọng lại năm 2014 và cộng với nợ đến tháng 5 năm 2016 (*duyệt*) với tổng số tiền nợ là 43.200.000 đồng. Chị L có viết thành giấy vay tiền ngày 11 tháng 5 năm 2016 (*duyệt*) với nội dung vợ chồng anh Th, chị T vay số tiền là 43.200.000 đồng, trong giấy vay tiền có chữ ký của vợ chồng anh Th, chị T và vợ chồng anh Th, chị T có hẹn đến ngày 11 tháng 7 năm 2016 (*duyệt*) sẽ trả cho tôi hết số tiền này.

Từ khi viết giấy vay tiền đến nay, vợ chồng anh Th, chị T mới trả cho chị L được 5.000.000 đồng vào khoảng tháng 8 năm 2016.

Hiện vợ chồng anh Th, chị T còn nợ số tiền là 38.200.000 đồng. Chị L có đến nhà đòi nợ nhiều lần, nhưng vợ chồng anh Th, chị T cố tình trốn tránh không trả tiền. Nay tôi yêu cầu vợ chồng anh Th, chị T trả tôi số tiền 38.200.000 đồng, không tính lãi suất. Số tiền này tôi yêu cầu vợ chồng anh Th, chị T trả trong ba đợt:

Đợt I trả vào ngày 11/9/2017 (*Đuợc*) với số tiền 10.000.000 đồng;

Đợt II trả vào ngày 11/10/2017 (*Đuợc*) với số tiền 14.000.000 đồng.

Đợt III trả vào ngày 11/12/2017 (*Đuợc*) với số tiền 14.400.000 đồng.

*Đồng bị đơn anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị T trình bày:

Thừa nhận lời khai và nội dung đơn khởi kiện của chị L là đúng, tính đến nay còn nợ chị L số tiền 38.200.000 đồng.

Theo yêu cầu của chị L buộc chúng tôi trả tiền làm 3 đợt thì chúng tôi không có tiền trả. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, các con còn nhỏ ốm đau thường xuyên, mùa màng chưa đến không có nguồn thu, vợ chồng chúng tôi xin chị L cho khất đến cuối năm 2017 trả cho chị Long 12.000.000 đồng còn lại sang năm 2018 mới trả hết số tiền này cho chị L. Nếu chị L không đồng ý thì vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình, không bổ sung gì khác.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho chị L và anh Th, chị T lên làm việc. Tiến hành làm việc với các bên, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải với các bên là đúng theo quy định của pháp luật.

Xét về về thời hạn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp, HĐXX nhận thấy: Trong quá trình mua hàng tại cửa hàng tạp hóa của chị L vợ chồng anh Th, chị T nợ chị L số tiền là 43.200.000 đồng, do quá hạn không trả nên chị L viết thành giấy vay tiền vợ chồng anh Th, chị T đồng ý và ký nhận, đến khoảng tháng 8/2016 anh Th chị T trả cho chị L được 5.000.000 đồng. Vợ chồng anh Th chị T xác nhận còn nợ chị L số tiền 38.200.000 đồng. Việc chị L làm đơn khởi kiện vào ngày 15 tháng 02 năm 2017 nằm trong thời hạn khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu và hiện đang cư trú tại Bon Đăk Huých, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ N. Bản chất của việc nợ tiền là xuất phát từ việc mua bán hàng hóa, nhưng khi cộng sổ anh Th và chị T đã thừa nhận và ký vào giấy vay tiền, việc ký giấy là tự nguyện không bị ép buộc. Như vậy, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T Đ là phù hợp với khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Việc chị L và anh Th, chị T có thực hiện việc mua bán hàng hóa, từ đầu năm 2014 đến tháng 5 năm 2016 (*Dương lịch*), mỗi lần mua thiếu hàng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc, và việc chị L cộng dồn nợ viết thành giấy vay tiền ngày 11 tháng 5 năm 2016 (*Dương lịch*) được sự đồng ý của vợ chồng anh Thanh, chị T và vợ chồng anh Th, chị T đều ký vào giấy vay tiền. Bản chất của giấy vay tiền là việc đối chiếu công nợ giữa hai bên. Vì vậy, HĐXX nhận thấy sự việc chuyển hóa từ việc mua bán tài sản sang vay tiền giữa chị Hoàng Thị L và anh Trần Văn Th, chị Nguyễn Thị T là có thật và hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay chị Hoàng Thị L, giữ nguyên yêu cầu buộc đồng bị đơn anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị T trả số tiền 38.200.000 đồng tiền gốc và không tính lãi suất là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị L, buộc đồng bị đơn anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Hoàng Thị L số tiền gốc là 38.200.000 đồng.

Về án phí: Anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị T là hộ nghèo có xác nhận của UBND xã do vậy HĐXX nhận thấy cần miễn toàn bộ án phí DSST theo quy định cho anh Th và chị T .

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463 và Điều 466 của BLDS năm 2015. Điều 12 - Nghị quyết 326/2016-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị L.

Buộc anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Hoang Thị L số tiền 38.200.000 đồng (*Ba mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*), không tính lãi suất.

Kể từ ngày chị Hoàng Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Th và chị T chậm trả số tiền nêu trên thì anh Th và chị T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí DSST cho Anh Trần Văn Th và chị Nguyễn Thị T.

Trả lại cho chị Hoàng Thị L số tiền 955.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số 0002979 ngày 15 tháng 02 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T Đ, tỉnh Đ N.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại chính quyền địa phương và nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND H.T Đ;
- Chi cục THADS H. T Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hồng Chương